

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 6 - 2025

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 và ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 09/9/1995

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Châu Hoài L, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Trụ sở chính: Số H đường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh S: Số C đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

2. Công ty T4 (M).

Trụ sở: Tầng 9, 10, 11, 12, tòa nhà M, số B C, phường C, Quận Đ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Ngân hàng C.

Trụ sở chính tại: Số A phó L, phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C là: Ông Nguyễn Trúc P, sinh năm 1979 (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền số 189/UQ-NHCS ngày 18/9/2023).

4. Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (gọi tắt là S2)

Trụ sở chính: Số B - B đường N, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S1: Bà Đinh Thị Ái T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5. Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6)

Trụ sở: Tòa nhà F, phố D, phường D, Quận C, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

6. Công ty T4

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T4 là: Bà Huỳnh Thị Bích L1, sinh năm 1997 (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2025)

Địa chỉ: Tầng H, 9, 10, Tòa nhà G, B đường P, Phường F, Quận B, TP . (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm T và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm T và bị đơn là ông Châu Hoài L kết hôn vào tháng 3 năm 2019 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, trong quá trình chung sống nguyên đơn nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 10/11/2023. Quá trình chung sống ông bà có một người con chung tên Châu Huỳnh Gia T2 (giới tính nam) sinh ngày 15/10/2023. Từ khi nguyên đơn mang thai cho đến sinh con, bị đơn không có trách nhiệm hỗ trợ về chi phí thuốc men, không chia sẻ việc chăm sóc con cái. Bị đơn còn có thói quen dùng

bạo lực bằng hành động, ngôn từ xúc phạm đến danh dự, thể chất và tinh thần của nguyên đơn nhiều lần.

Về nợ chung, trong quá trình chung sống ông bà có những khoản nợ chung gồm: Ông bà có nợ Ngân hàng TMCP V số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình bà đã tự trả 13.000.000 đồng, còn nợ lại là 17.000.000 đồng và Công ty T4 số tiền 25.000.000 đồng do bà đứng lên vay, mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình, bà đã tự trả 12.000.000 đồng, còn nợ lại là 13.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn L.

Về con chung: Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu Huỳnh Gia T2 (giới tính nam) sinh ngày 15/10/2023 cho đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu T2 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, nay nguyên đơn không yêu cầu bị đơn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn T xin thay đổi toàn bộ yêu cầu về nợ chung đối với khoản nợ tại Ngân hàng TMCP V (viết tắt là Ngân hàng V) số tiền còn nợ 17.000.000 đồng trước đây bà có yêu cầu bị đơn L tự chi trả số tiền còn lại là 17.000.000 đồng và khoản nợ Công ty T4 (viết tắt là Công ty T4) số tiền còn nợ lại 13.000.000 đồng, bà yêu cầu ông L tự chi trả số tiền 13.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP V và Công ty T4 đều không có yêu cầu nguyên đơn và bị đơn phải trả số tiền này. Nếu sau này Ngân hàng V và Công ty T4 có yêu cầu, bà sẽ tự có trách nhiệm trả khoản nợ này và tự xác nhận đó là nợ riêng của bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Châu Hoài L đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn L thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Huỳnh Thị Cẩm T về thời gian kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng sự thật. Bị đơn và nguyên đơn T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với nguyên đơn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông, bà có một người con chung là cháu Châu Huỳnh Gia T2 (giới tính nam) sinh ngày 15/10/2023 hiện tại đang do bà T trực tiếp chăm sóc. Nay bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T2 và không yêu cầu ông phải cấp dưỡng nuôi con chung ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có làm đơn yêu cầu và trình bày về các khoản nợ và cho rằng đó làm nợ chung, nay bị đơn nhận thấy, các khoản nợ này là nợ riêng của bị đơn và hiện bị đơn có ý kiến cụ thể về các khoản nợ riêng như sau:

+ Khoản nợ trong gói vay vốn nước sạch, vệ sinh môi trường và sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng C với số tiền là 70.000.000 đồng. Trong đó, bà T là người được ủy quyền để đảm bảo trả nợ. Tuy nhiên, đối với khoản nợ này hiện tại bị đơn đã tất toán xong và Ngân hàng đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn yêu cầu độc lập, ông đồng ý và không có ý kiến khác.

+ Khoản nợ của gói vay tiêu dùng, mua sắm trang thiết bị gia đình của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) đã giải ngân 105.000.000 đồng và một hợp đồng vay tín dụng qua thẻ, đối với hợp đồng về tín dụng thẻ ông đã tất toán xong cho Ngân hàng. Hiện tại, bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 52.817.777 đồng (Trong đó vốn gốc là 35.900.000 đồng, lãi trong hạn là 14.280.000 đồng, lãi quá hạn là 1.976.824 đồng và lãi phạt là 660.953 đồng). Đây là khoản nợ riêng của bị đơn, hiện tại Ngân hàng cũng đang yêu cầu một mình bị đơn phải trả số tiền này và bị đơn đồng ý trả số tiền này cho Ngân hàng.

+ Khoản nợ của gói vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình của Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T7) giải ngân là 40.000.000 đồng, đây là khoản nợ riêng và hiện tại bị đơn đã tất toán xong với Ngân hàng, trong quá trình giải quyết vụ án phía Ngân hàng cũng không có ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào đối với khoản nợ này. Đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này Ngân hàng có yêu cầu bị đơn sẽ tự chịu trách nhiệm.

+ Khoản nợ của gói vay tiêu dùng tại Công ty T4 (viết tắt là: Công ty T4) được giải ngân là 20.000.000 đồng. Hiện tại bị đơn còn nợ Công ty T4 số tiền tổng cộng là 19.972.287 đồng, đây là nợ riêng và bị đơn đồng ý trả số tiền này cho Công ty T4.

+ Theo nội dung đơn yêu cầu phản tố, bị đơn có trình bày khoản vay tại Ngân hàng N được đảm bảo trả nợ qua số tài khoản 7610.231.006.476 số tiền vay là 200.000.000 đồng, đối với khoản nợ này, bị đơn đã tất toán xong trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án và Tòa án cũng có thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố cho bị đơn, bị đơn đồng ý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/5/2025 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T4 đều trình bày và yêu cầu:

Ngày 24/9/2022 bị đơn Châu Hoài L đã ký Hợp đồng tín dụng số DL025205293 (Hợp đồng) với Công ty T4 (viết tắt là HD SAISON). Theo Hợp đồng ông L vay số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vay tiêu dùng. Theo đó, vào ngày 12 hàng tháng, ông L phải thanh toán cho HD SAISON số tiền

là 1.401.619 đồng (Một triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, sáu trăm mười chín đồng) liên tục trong 24 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 12/10/2022 đến ngày 12/3/2025.

Tính đến nay, ông L đã chậm thanh toán cho Công ty là 13 kỳ trả góp tương ứng với số tiền là 19.972.287 đồng bắt đầu từ kỳ thứ 12. Kể từ thời điểm xảy ra sự kiện vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên, H1 đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông L tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán cho HD SAISON theo Hợp đồng. Tuy nhiên, không nhận được bất kỳ sự hợp tác nào từ phía ông L.

Nay Công ty T4 yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Châu Hoài L hoàn trả cho HD SAISON toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 12.298.297 đồng (Mười hai triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm chín mươi bảy đồng);

+ Thanh toán tiền lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng là 5.061.455 đồng (Năm triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, bốn trăm năm mươi lăm đồng);

+ Thanh toán tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 2.612.535 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười hai ngàn, năm trăm ba mươi lăm đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông Châu Hoài L phải thanh cho Công ty T4 là 19.972.287 đồng (Mười chín triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi bảy đồng) ngay khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2025 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C là ông Nguyễn Trúc P trình bày:

Ngày 10/6/2020 Phòng giao dịch NHCSXH huyện C đã giải ngân cho ông Châu Hoài L vay số tiền là 50.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là cải tạo đất trồng mít, lãi suất 0,6875%/tháng, lãi quá hạn 0,89%/tháng. Thời hạn vay là 50 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/8/2024. Số dư nợ gốc đến ngày 25/7/2024 là 40.000.000 đồng. Trong đó gốc: 40.000.000 đồng, lãi 139.154 đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi là 40.139.154 đồng

Tiếp đó, ngày 10/6/2021, Phòng giao dịch NHCSXH huyện C đã giải ngân cho ông Châu Hoài L vay số tiền 20.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là cải tạo công trình nước sạch, công trình vệ sinh, lãi suất 0,75%/tháng, lãi quá hạn 0,97%/tháng. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/6/2026. Số dư nợ gốc đến ngày 25/7/2024 là 20.000.000 đồng. Trong đó gốc: 20.000.000 đồng, lãi 77.120 đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi là: 20.077.120 đồng.

Căn cứ thông báo số 17/TB-TA về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi và nợ chung khi ly hôn” do ông L là người vay nên khi xảy ra ly hôn hoặc tranh chấp thì để đảm bảo nguồn vốn của Nhà nước, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Châu Hoài L trả hết số gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 60.216.274 đồng (Sáu mươi triệu, hai trăm mười sáu ngàn, hai trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó gốc 60.000.000 đồng và lãi 216.274 đồng và số tiền lãi phát sinh (nếu

có) đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 20/6/2025 người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C đã có Đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng C.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần S1 là bà Đinh Thị Ái T1 trình bày và yêu cầu:

Ngày 31/3/2021 Ngân hàng S1 Chi nhánh S – P1 (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Châu Hoài L hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ LD2109000393. Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ, lãi tính theo dư nợ ban đầu LD2109000393, Ngân hàng S1 Chi nhánh S - PGD Châu Thành Sóc T3 có cho ông Châu Hoài L vay số tiền 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) vào ngày 31/3/2021 với các điều kiện thỏa thuận như sau: Thời hạn vay là 60 tháng; Mục đích vay tiêu dùng CBNV Nhà nước (mua sắm trang thiết bị gia đình; Phương thức trả nợ vốn, lãi trả định kỳ hàng tháng; Lãi tính theo dư nợ ban đầu; Lãi suất là 9.6 %/năm (0.8%/tháng); Nguồn trả nợ thu nhập từ lương; Thời hạn trả hết nợ là ngày 31/3/2026. Dư nợ đến ngày 23/7/2024 là: 45.711.520 đồng. Từ khi vay vốn đến nay có trả vốn, lãi nhưng đến ngày 30/11/2023 thì phát sinh nợ quá hạn.

Căn cứ theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ, lãi tính theo dư nợ ban đầu LD2109000393, tín dụng để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân Hàng đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 23/7/2024 là 45.711.520 đồng, Trong đó: Vốn gốc: 38.500.000 đồng, L2 tồn đọng: 7.211.520 đồng (tạm tính từ ngày 30/11/2023 đến ngày 23/7/2024).

Ngày 08/8/2020 ông Châu Hoài L có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Cụ thể như sau: Loại thẻ: VISA; Số thẻ: 472074-7901; Hạn mức: 20.000.000 đồng; Ngày ký hợp đồng ngày 08/8/2020; Lãi suất áp dụng 31.2%/năm và 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng. Ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.857.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 44.918.064 đồng (*chi tiết các lần thanh toán trong bảng*

sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 22/4/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 24.502.180 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông Châu Hoài L trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 21/7/2024 là 26.343.570 đồng. Cụ thể: Loại thẻ: VISA; Số thẻ: 472074-7901; Gốc: 22.567.160 đồng; Ngày ký hợp đồng ngày 08/8/2020; Lãi suất áp dụng 4.15% (2.6% x 150%)

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu: Buộc ông Châu Hoài L có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền vốn vay còn nợ lại tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 52.817.777 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.900.000 đồng và tiền lãi trong hạn là: 14.280.000 đồng, tiền lãi quá hạn là: 1.976.824 đồng, tiền lãi phạt là 660.953 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ theo Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số HĐTD LD2109000393 ngày 31/3/2021 (bao gồm Giấy đề nghị vay vốn phụ vụ đời sống không áp dụng biện pháp bảo đảm) mà các bên đã ký kết.

Riêng đối với yêu cầu về Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (*bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng*), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng và tính đến ngày 22/7/2024 ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 26.343.570 đồng (Trong đó: vốn gốc 22.567.160 đồng, lãi quá hạn là 3.776.410 đồng). Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án thì ông L đã tắt toán xong hồ sơ về Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Nay Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu về việc không yêu cầu ông L phải trả số tiền còn lại là 26.343.570 đồng từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cấp ngày 08/8/2020 có loại thẻ: VISA, Số thẻ: 472074-7901 nữa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty T4 (M), Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6): Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn T, đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S1, Công ty T4 và Ngân hàng C và đã tổng đạt hợp lệ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty T4 (M), Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6), cũng như đã triệu tập hợp lệ đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty T4 (M), Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6) không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu

trên của nguyên đơn và các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng không có đơn yêu cầu độc lập đối với những nội dung khởi kiện, yêu cầu nêu trên và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty T4 (M), Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6) cũng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Cẩm T, bị đơn ông Châu Hoài L và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S1 có mặt. Riêng Ngân hàng C, Công ty T4 vắng mặt, nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty T4 (M), Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6) đều vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa bà T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện vụ thể:

+ Trước đây bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Huỳnh Gia T2 và yêu cầu bị đơn L phải cấp dưỡng nuôi cháu T2 theo quy định của pháp luật. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là không yêu cầu bị đơn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Trước đây bà có yêu cầu chia nợ chung tại Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ lại là 17.000.000 đồng và Công ty T4 số tiền còn nợ lại 13.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP V và Công ty T4 đều không có yêu cầu bà T và ông L phải trả số tiền này, tại Tòa bà T xin thay đổi toàn bộ yêu cầu nêu trên, bà T tự xác nhận đó là nợ riêng, nếu sau này Ngân hàng TMCP V và Công ty T4 có yêu cầu bà trả nợ thì bà sẽ tự trả số tiền này.

Xét thấy, việc thay đổi các yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, về việc yêu cầu được ly hôn với ông Châu Hoài L, yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T2 và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi

nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

- Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất và trình bày về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ riêng:

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH HD SaiSon về việc yêu cầu buộc ông Châu Hoài L có trách nhiệm trả cho Công ty T4 số tiền tổng cộng là 19.972.287 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.298.297 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 5.061.455 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.612.535 đồng). Tại phiên tòa ông L đều thừa nhận đây là nợ riêng và ông đồng ý trả số tiền này cho Công ty T4, do đó yêu cầu này là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần S1 về việc yêu cầu buộc ông Châu Hoài L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền vốn gốc là 35.900.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 14.280.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.976.824 đồng và tiền lãi phạt là 660.953 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 52.817.777 đồng, còn nợ theo Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ, lãi tính số LD2109000393 ngày 31/3/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1. Nhận thấy tại phiên tòa bị đơn đều thừa nhận đây là nợ riêng và đồng ý trả số tiền này cho Ngân hàng. Do đó yêu cầu này là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Tại phiên tòa người đại diện theo Ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 xin rút một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đối với yêu cầu ông L có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền là 26.343.570 đồng (Trong đó: vốn gốc 22.567.160 đồng, lãi quá hạn là 3.776.410 đồng) và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 08/8/2020, loại thẻ: VISA; số thẻ: 472074-7901. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đã tất toán xong hồ sơ về Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, tại phiên tòa các đương sự đều đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

+ Ngày 20/6/2025 người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập, nhận thấy việc rút đơn này là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Tiên yêu cầu được ly hôn, nuôi con, nợ chung khi ly hôn với bị đơn là ông Châu Hoài L. Bên cạnh đó Ngân hàng TMCP S1, Công ty T4 và Ngân hàng C đều có đơn yêu cầu bị đơn L phải trả số tiền còn nợ và bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty T4 (M), Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 (T6) vắng mặt không rõ lý do. Riêng người đại theo ủy quyền của Công ty T4 và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng S1 đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn T trình bày trước đây nguyên đơn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Huỳnh Gia T2 và yêu cầu bị đơn L phải cấp dưỡng nuôi cháu T2 theo quy định của pháp luật. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là không yêu cầu bị đơn L phải cấp dưỡng nuôi con chung và đối với yêu cầu chia nợ chung và khoản nợ tại Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ lại là 17.000.000 đồng và Công ty T4 số tiền còn nợ lại 13.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP V và Công ty T4 đều không có yêu cầu ông bà phải trả số tiền này, tại Tòa nguyên đơn xin thay đổi toàn bộ yêu cầu nêu trên, Nguyên đơn tự xác nhận đó là nợ riêng, nếu sau này Ngân hàng TMCP V và Công ty T4 có yêu cầu bà trả nợ, nguyên đơn sẽ tự trả số tiền này.

Xét thấy, việc thay đổi các yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Châu Hoài L không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64/2019 ngày 24 tháng 5 năm 2019, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do vợ chồng ông bà không biết xây dựng hạnh phúc cho riêng mình mà để xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Mặc dù Tòa án đã tiến

hành hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ nhiều lần nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà T và ông L đều thống nhất thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông L.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Châu Hoài L có với nhau một người con chung là cháu Châu Huỳnh Gia T2 (nam, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2023) tại phiên tòa bà T và ông L đều thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Châu Huỳnh Gia T2 (nam, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2023) hiện đang sống chung với bà T tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Ông L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2.

Bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Châu Hoài L đều thống nhất ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

Nhận thấy, bà T và ông L đã thỏa thuận được với nhau về việc chăm sóc, nuôi dưỡng và thăm nom con chung sau khi ly hôn sự thỏa thuận này là tự nguyện căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện nêu trên.

[6] Về tài sản chung: Bà T và ông L đều tự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Tại phiên tòa nguyên đơn T và bị đơn L đều thống nhất trong quá trình chung sống ông bà không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về nợ riêng:

[8.1] Ngân hàng C có đơn yêu cầu độc lập về việc: Buộc ông Châu Hoài L trả hết số gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 60.216.274 đồng (Sáu mươi triệu, hai trăm mười sáu ngàn, hai trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó gốc 60.000.000 đồng và lãi 216.274 đồng và số tiền lãi phát sinh (nếu có) đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy: Ngày 20/6/2025 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C là ông Nguyễn Trúc P đã làm đơn xin rút lại toàn bộ đơn yêu cầu độc lập. Việc rút đơn yêu cầu độc lập là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.2] Công ty T4 (viết tắt là Công ty T4) có đơn yêu cầu độc lập về việc: Buộc ông Châu Hoài L hoàn trả cho Công ty T4 toàn bộ số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 12.298.297 đồng và tiền lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng là 5.061.455 đồng và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 2.612.535 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 19.972.287 đồng.

Xét yêu cầu độc lập nêu trên thì thấy rằng: Theo đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử (gọi chung là Hợp đồng) hợp đồng tín dụng số DL025205293 ngày 24/9/2022 tại đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử (hợp đồng điện tử), bảng chi tiết thanh toán, bảng lịch sử thanh toán và tình tiết, sự kiện do Công ty T4 cung cấp; tại phiên tòa bị đơn Châu Hoài L thừa nhận hiện tại còn nợ Công ty T4 số tiền vốn, lãi tổng cộng là 19.972.287 đồng, căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định ông L đã vay tiền của Công ty T4 theo hợp đồng tín dụng số DL025205293 ngày 24/9/2022 với số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng; lãi suất 2.45%/tháng (dư nợ giảm dần), mục đích vay mua bán hàng hóa và vay phục vụ cho mục đích tiêu dùng, hình thức trả theo tháng, thời hạn vay là 24 tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng (gồm gốc, lãi và phí) là 1.401.619 đồng. Tính đến ngày 27/6/2025 ông L còn nợ Công ty HD Saison số tiền tổng cộng 19.972.287 đồng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại Mục B. Phần hợp đồng tín dụng tại hợp đồng số DL025205293 ngày 24/9/2022 nên việc Công ty T4 yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 9, 10 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định cho vay tiêu dùng của Công ty T4. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty T4 có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Châu Hoài L phải trả cho Ngân hàng số nợ vốn vay còn lại tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HĐTD LD2109000393 ngày 31/3/2021 (bao gồm Giấy đề nghị vay vốn phục vụ đời sống không áp dụng biện pháp bảo đảm) mà các bên đã ký kết với số tiền vốn vay còn nợ lại tính đến ngày 27/6/2025 tổng cộng là 52.817.777 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.900.000 đồng và tiền lãi trong hạn là: 14.280.000 đồng, tiền lãi quá hạn là: 1.976.824 đồng, tiền lãi phạt là 660.953 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 thì thấy rằng: Theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số HĐTD LD2109000393 ngày 31/3/2021 (bao gồm Giấy đề nghị vay vốn phục vụ đời sống không áp dụng biện pháp bảo đảm) là tình tiết, sự kiện do Ngân hàng cung cấp; tại phiên tòa bị đơn L cũng thừa nhận hiện tại ông còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 tổng số tiền là 52.817.777 đồng, căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định ông L đã vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngày 31/3/2021 với hạn mức sử dụng 105.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 9.6%/năm.

Sau khi vay, ông L đã nhận đủ số tiền vốn vay là 105.000.000 đồng và trả được tiền vốn vay là 69.100.000 đồng và tiền lãi. Từ khi vay vốn đến trước ngày 30/11/2023 ông L đều trả tiền vốn và tiền lãi đầy đủ, tuy nhiên từ ngày 30/11/2023 ông L để phát sinh nợ quá hạn; Tính đến ngày 27/6/2025 ông L còn nợ lại tổng cộng số tiền là 52.817.777 đồng, trong đó: nợ gốc: 35.900.000 đồng và tiền lãi trong hạn là: 14.280.000 đồng, tiền lãi quá hạn là: 1.976.824 đồng, tiền lãi phạt là 660.953 đồng.

Do bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận tại hợp đồng là để phát sinh nợ quá hạn là đã vi phạm Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Do bị đơn L là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn L phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 35.900.000 đồng, lãi trong hạn là 14.280.000 đồng, lãi quá hạn là 1.976.824 đồng và tiền lãi phạt là 660.953 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 52.817.777 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu về Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tính đến ngày 22/7/2024 ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 26.343.570 đồng (Trong đó: vốn gốc 22.567.160 đồng, lãi quá hạn là 3.776.410 đồng). Tuy nhiên trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án thì ông L đã tắt toán xong hồ sơ nêu trên. Nay Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu về việc không yêu cầu ông L phải trả số tiền còn lại là 26.343.570 đồng từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cấp ngày 08/8/2020 có loại thẻ: VISA, Số thẻ: 472074-7901 nữa. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 là tự nguyện theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 217 Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2025 ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

[10] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP S1 và Công ty T4 và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tại khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 217, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 27, Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 91, Khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 9, 10 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định cho vay tiêu dùng của Công ty T4; khoản 2 Điều 26 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Châu Hoài L đều thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Châu Hoài L thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cháu Châu Huỳnh Gia T2 (nam, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2023) hiện đang sống chung với bà T tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cho bà Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Ông Châu Hoài L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T2.

Ông Châu Hoài L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

II Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L tự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

III. Về nợ riêng:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C về việc yêu cầu ông Châu Hoài L có trách nhiệm trả hết số gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 60.216.274 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu hai trăm mười sáu ngàn, hai trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó gốc 60.000.000 đồng và lãi 216.274 đồng và số tiền lãi phát sinh (nếu có) đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần S1 về việc yêu cầu ông Châu Hoài L có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền là 26.343.570 đồng (Trong đó: vốn gốc 22.567.160 đồng, lãi quá hạn là 3.776.410 đồng) và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) ngày 08/8/2020, loại thẻ: VISA; số thẻ: 472074-7901.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH HD SaiSon. Buộc ông Châu Hoài L có trách nhiệm trả cho Công ty T4 số tiền tổng cộng là 19.972.287 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 12.298.297 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 5.061.455 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.612.535 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần S1. Buộc ông Châu Hoài L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền vốn gốc là 35.900.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 14.280.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.976.824 đồng và tiền lãi phạt là 660.953. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 52.817.777 đồng, còn nợ theo Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ, lãi tính số LD2109000393 ngày 31/3/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2025, ông Châu Hoài L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S1.

IV. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000716 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L phải chịu án phí với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 3.639.503 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c Điều 11 và điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 không phải chịu; trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.081.400 đồng theo biên lai số 0005873 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Công ty T4 không phải chịu; trả lại cho Công ty T4 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 499.307 đồng theo biên lai số 0005941 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

V. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

VI. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã HĐK, H. CT,

- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ

